

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DS-ST

Ngày 17 tháng 8 năm 2023

V/v “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thạch Út

2. Bà Hồ Thị Minh Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quang – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2022/TLST-DS ngày 14/12/2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2023/QĐST-DS ngày 26/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mai Văn H, sinh năm 1974. Có mặt

Địa chỉ: Tổ A, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Số B, đường Đ, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1978. Có mặt

Địa chỉ: Tổ B, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2022 bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Mai Văn H trình bày:*

Do quen biết nên ông H có cho ông Nguyễn Thanh H1 vay số tiền 200.000.000đồng, không làm biên nhận, chỉ chuyển khoản và xác nhận qua tin nhắn, mục đích vay ông H trình bày là để ông H sửa nhà để ở, thỏa thuận miệng

thời gian trả lại là 3 tháng. Ngày 11/3/2021 ông H đã chuyển khoản cho ông H1 số tiền 200.000.000đồng và được ông H xác nhận qua tin nhắn là đã nhận được tiền. Tuy nhiên, sau thời hạn 03 tháng, ông H1 không có thiện chí trả lại số tiền đã vay, chỉ trả cho ông số tiền 20.000.000đồng, nhưng không nói là tiền lãi hay tiền vốn. Do đó, ông đồng ý khấu trừ số tiền 20.000.000đồng vào số tiền vốn 200.000.000đồng. Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh H1 có trách nhiệm trả cho ông số tiền còn nợ 180.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là tin nhắn chuyển tiền qua Ngân hàng và tin nhắn ông H1 xác nhận đã nhận số tiền 200.000.000đồng.

**Bị đơn ông Nguyễn Thanh H1 có tự khai vào ngày 27/7/2023 trình bày ý kiến:*

Ông xác nhận có vay của ông Mai Văn H số tiền 200.000.000đồng, không có làm biên nhận mà bằng hình thức chuyển khoản, ông đã nhận đủ tiền 200.000.000đồng vào ngày 11.3.2021 như ông H trình bày. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 7%/tháng, thời hạn trả là 3 tháng từ ngày chuyển khoản. Sau đó, ông có trả cho ông H được 3 tháng tiền lãi với tổng số tiền 43.000.000đồng, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Qua yêu cầu khởi kiện của ông H, ông thống nhất về việc ông H khấu trừ số tiền 20.000.000đ vào số tiền vốn còn nợ 200.000.000đồng, ông còn nợ tiền vốn lại là 180.000.000đ. Tuy nhiên do công việc làm ăn không thuận lợi nên xin được trả dần số tiền nợ trên mỗi tháng là 4.000.000đồng cho đến khi hết số tiền vốn và xin không trả lãi.

Nay ông cung cấp cho Hội đồng xét xử chứng cứ ông đã trả cho ông H số tiền lãi là 24.000.000đồng, cụ thể như sau: ngày 12/4/2021 chuyển khoản cho ông H hai lần tiền, một lần 10.000.000đồng, một lần 4 triệu đồng; ngày 13/5/2021 chuyển khoản số tiền 10.000.000đồng (sao kê tại Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh A ngày 02/8/2023). Tuy nhiên, ông xác định không tranh chấp hay có ý kiến yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã trả cho ông H.

Tại phiên tòa:

-Nguyên đơn ông Mai Văn H có ý kiến:

Đối với việc ông H1 trình bày và cung cấp chứng cứ cho Tòa án về việc đã chuyển khoản cho ông số tiền 24.000.000đồng tiền lãi. Nay ông đồng ý khấu trừ thêm 4.000.000đ nữa vào tiền vốn. Tức là khấu trừ tổng số tiền 24.000.000đồng vào tiền nợ vốn 200.000.000đồng. Ông yêu cầu ông H có trách nhiệm trả cho ông số tiền còn nợ là 176.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

-Bị đơn ông Nguyễn Thanh H1 trình bày: Nay ông H đồng ý khấu trừ thêm 4.000.000đ nữa vào tiền vốn, chỉ yêu cầu ông có trách nhiệm trả cho ông số tiền còn nợ là 176.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi thì ông đồng ý. Tuy nhiên, ông xin trả dần mỗi tháng 4.000.000đồng cho đến khi hết số tiền vốn còn 176.000.000đồng, nếu công việc thuận lợi ông sẽ trả hơn số tiền 4.000.000đồng, yêu cầu không trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Nguyên đơn ông Mai V yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh H1 có trách nhiệm trả cho ông H số tiền còn nợ 176.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ Tin nhắn chuyển tiền qua Ngân hàng và tin nhắn ông H1 xác nhận đã nhận số tiền. Căn cứ Công văn số 17/DAB-AG ngày 17/3/2023 của Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh A kèm sao kê chi tiết phát sinh của ngày 11/3/2021, lời khai của nguyên đơn bị đơn tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Mai Văn H khởi kiện ông Nguyễn Thanh H1 về tranh chấp hợp đồng vay. Ông Nguyễn Thanh H1 cư ngụ tại Tổ B, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Mai Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Thanh H1 trả cho ông số tiền 176.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Tin nhắn chuyển tiền qua Ngân hàng và tin nhắn ông H1 xác nhận đã nhận số tiền 200.000.000đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn H và chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Hội đồng xét xử xét thấy, theo Tin nhắn chuyển tiền của ông Mai Văn H chuyển tiền cho ông Nguyễn Thanh H1 thể hiện: “S 11/3/2021 16:06 TK 070062369221...; Giao dịch thành công 200.016.500 VND”.

Theo Công văn số 17/DAB-AG ngày 17/3/2023 của Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh A kèm sao kê chi tiết phát sinh của ngày 11/3/2021 phúc đáp Công văn số 97/2023/QĐ-CCTLCC ngày 06/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, như sau: Số tài khoản: 0103920793; Tên chủ tài khoản: NGUYỄN THANH HỒNG; Từ ngày 11/3/2021 đến ngày 11/3/2021 nhận chuyển tiền liên NH qua thẻ _070062369221_MAI VAN HAU_ HAU cho H2 muon 11/3/2021 số tiền 200.000.000đồng.

Tại bản tự khai ngày 27/7/2023 bị đơn ông H1 xác nhận có vay của ông Mai Văn H số tiền 200.000.000đồng và ông đã nhận đủ số tiền vay.

Do đó, từ những chứng cứ trên, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định ông Nguyễn Thanh H1 có vay của ông Mai Văn H số tiền 200.000.000đồng.

[2.3] Xét, giao dịch dân sự giữa ông Mai Văn H và ông Nguyễn Thanh H1 xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do đó, việc ông H1 không trả tiền vốn và lãi cho ông H theo thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ đối với ông H, nên yêu cầu của ông Mai Văn H khởi kiện là có căn cứ.

[2.4] Tại phiên tòa ông H1 có trình bày và cung cấp chứng cứ đã trả cho ông H tổng số tiền lãi 24.000.000đồng, nhưng không yêu cầu hay tranh chấp về số tiền lãi đã đóng. Nguyên đơn ông H thống nhất trừ số tiền 24.000.000đồng vào số tiền vốn 200.000.000đồng, chỉ yêu cầu ông H1 trả số tiền vốn 176.000.000đồng. Xét, đây là sự tự nguyện của ông H phù hợp quy định của luật và có lợi cho phía bị đơn ông H1, nên được chấp nhận.

Việc ông H1 xin được trả dần mỗi tháng 4.000.000đồng đến khi hết số tiền vốn 176.000.000đ, nhưng không được ông H đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.5] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thanh H1 cho rằng đã đóng lãi cho ông Mai Văn H số tổng tiền lãi 47.000.000đồng với lãi suất 7%/tháng, nhưng không có chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở đặt ra xem xét.

Nguyên đơn ông H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn ông H1 nợ 176.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông H có lợi cho bị đơn là ông H1 và phù hợp quy định của luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự: ông H1 phải chịu số tiền 8.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông H. Do ông H1 có đơn xin miễn giảm án phí, được Ủy ban nhân dân xã V xác nhận, nên Hội đồng xét xử giảm án phí. Ông H1 phải chịu 4.400.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Mai Văn H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 5; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn H đối với ông Nguyễn Thanh H1.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn 24.000.000đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Thanh H1 có nghĩa vụ trả cho ông Mai Văn H số tiền 176.000.000đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

2. Về án phí dân sự:

Ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu số tiền 4.400.000đồng (Bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm

Ông Mai Văn H được nhận lại 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004049 ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Mai Văn H, bị đơn ông Nguyễn Thanh H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Châu Thành;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS H. Châu Thành;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Xuân Bích